

Cơ sở lý luận của mô hình học tập B-Learning

Nguyen Cong Uoc

Vietnam National University of Agriculture
Email: ncuoc@vnua.edu.vn Tel: 0915975305

Tran Thu Trang

Vietnam National University of Agriculture
Email: trangtran@vnua.edu.vn Tel: 0988232689

Nguyen Thi Ngoc Thu

Vietnam National University of Agriculture
Email: nguyennngocthu@vnua.edu.vn Tel: 0978372279

Abstract

Blended learning, which combines online and face-to-face instruction, has been deemed the best option in the current situation. However, in Vietnam, due to a variety of factors such as educational policies and resources, teachers' opportunities to employ this teaching style are still limited, and hence the use of blended learning is not yet widespread. This article explains the theoretical foundations of the blended learning paradigm and offers some guidelines for using it in university classrooms.

Key words: e-learning, traditional teaching, blended learning

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đã làm cho giáo dục từ xa hình thành và phát triển một cách rộng rãi (McBrien và cộng sự, 2009). Hầu hết các thuật ngữ: học tập trực tuyến, học tập mở nhờ sự hỗ trợ của công nghệ máy tính đều có điểm chung là khả năng sử dụng máy tính được kết nối với mạng wifi cung cấp khả năng học tập mọi lúc, mọi nơi trong bất kỳ địa điểm nào miễn là có mạng kết nối wifi (Cojocariu và cộng sự, 2014).

Theo Schoolwires (2012), số liệu của trang web giáo dục Schoolwires (Mỹ), mô hình tổ chức dạy học B-learning được nhiều sự quan tâm của nhiều GV trong việc dạy học. Theo đó, các mô hình kết hợp trực tiếp và trực tuyến cần bảo đảm nguyên tắc về hiệu quả sự tương tác giữa thầy và trò để thực hiện nhiệm vụ của thầy và trò.

Nhiều hệ thống E-learning và B-learning được hoàn chỉnh đưa vào hoạt động đạt hiệu quả cao trong một số trường đại học trên thế giới như: trường Đại học Queensland – Úc, trường Đại học Cyber của Thái Lan, kho học liệu mở của Viện Đại học MIT - Mỹ, Đại học Korea Cyber- Hàn Quốc, trường Đại học số hoá EUK của Anh, mạng E-learning và B-learning châu Á. Đặc biệt, ngày càng tăng sự tham gia của các trường kinh doanh quốc tế cung cấp các khoá học B-learning thông qua các chương trình và các khuôn khổ hữu hiệu. Dẫn đầu là các chương trình Quản trị Kinh doanh Fast-Track của trường Đại học Babson–Mỹ (<http://mba.babson.edu/>), chương trình Fast-Track là sinh viên đáp ứng 50% thời gian trực tiếp trên lớp học, 30% thời gian thảo luận của họ thông qua đội ngũ cộng tác trực tuyến, và 20% bao gồm các nội dung phong phú về xem DVD trên bài giảng và thuyết trình. Chương trình Quản trị Kinh doanh ClassroomPlus của trường Đại học George Mason – Mỹ (<http://mba.gmu.edu/>), trong chương trình này, sinh viên tăng tính linh hoạt về giờ học là chỉ có bốn lần trong một năm trong khi vẫn có tỉ lệ 50/50 giữa face-to-face và học tập trực tuyến, được sử dụng các tài liệu chia sẻ, thảo luận, nêu câu hỏi, và làm việc theo nhóm.

Trường Đại học Saint Mary ở California với chương trình Quản trị Kinh doanh Hybrid Executive (<http://www.stmarys-ca.edu>), ... Qua đó cũng cho thấy, dạy học B-learning đã được áp dụng nhiều trong giảng dạy bậc đại học – cao đẳng.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu và sử dụng hình thức dạy học B-learning đã hình thành và từng bước phát triển từ đầu thế kỷ 21 đến nay. Tuy nhiên, do các điều kiện về chính sách, nguồn lực, ... cơ hội của giáo viên (GV) tiếp cận hình thức dạy học B-learning còn hạn chế ... nên việc sử dụng hình thức dạy học này chưa phổ biến (Nguyễn Kim Đào, 2020).

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình B-learning

2.1. Khái niệm dạy học E-learning

Học tập trực tuyến (E-learning) là thuật ngữ mô tả hình thức tương tác gián tiếp thông qua phần mềm/máy tính hay các thiết bị điện tử. Như vậy dạy học trực tuyến là hình thức dạy học mà trong đó việc học tập được tiến hành hoàn toàn trên môi trường mạng. Hình thức tổ chức dạy học này cho phép người học tự trải nghiệm nhiều cách tiếp cận tri thức khác nhau mà không cần phải trực tiếp giáp mặt như: báo, hình ảnh số, biểu đồ, âm thanh, nội dung học tập tương tác, clip dạy trực tuyến, thí nghiệm mô phỏng... (Trần Thanh Bình, 2013).

Thông thường, việc tổ chức dạy học trực tuyến có thể diễn ra đồng thời hoặc không đồng thời.

Hình thức dạy học đồng thời là việc dạy học diễn ra trong cùng thời gian thực, người dạy và người học có thể có khoảng cách về không gian. Dạy học đồng thời có thể thông qua truyền hình trực tiếp, dùng các thiết bị truyền âm thanh trực tiếp thông qua điện thoại hoặc các ứng dụng trên internet...

Hình thức dạy học không đồng bộ là việc dạy học diễn ra không đồng thời cùng lúc. Như vậy giữa người dạy và người học không có sự tương tác trực tiếp với nhau.

2.2. Khái niệm dạy học B-learning

2.2.1. Khái niệm

Thuật ngữ hình thức dạy học B-learning hay dạy học kết hợp được sử dụng vào cuối thế kỷ XX khi xuất hiện nhu cầu kết hợp giữa dạy học giáp mặt (face to face) với dạy học trực tuyến thông qua internet. Khái niệm về B-learning được phát triển dần. Từ năm 2006 đến nay, B-learning được hiểu là một sự kết hợp DH giáp mặt (face to face) và DH trên nền tảng công nghệ trung gian (Technology mediated).

Tác giả Curtis J. Bonk, Charles R. Graham (2005) định nghĩa B-learning là sự kết hợp giữa hướng dẫn giáp mặt và hướng dẫn qua máy tính.

Trong tài liệu của Knewton định nghĩa DH B-learning cung cấp mọi lúc để HS học tập, có ít nhất một phần học trên lớp và một phần qua mạng có sự kiểm soát về thời gian, địa điểm, lộ trình và tiến độ (<https://www.knewton.com/infographics/B-learning>).

Tác giả Michael B. Horn (2015) định nghĩa hình thức dạy học B-learning là một chương trình giáo dục chính quy mà ở đó HS học một phần trực tuyến, có sự kiểm soát về thời gian, địa điểm, lộ trình và tiến độ. Có ít nhất một phần giảng dạy trên lớp và các hình thức học tập của từng HS phải được liên kết với nhau tạo sự thống nhất. Cách thức học tập khóa học, môn học của HS được kết nối để cung cấp trải nghiệm học tập tích hợp.

Như vậy, có thể coi B-learning là mô hình hay hình thức học tập mà HS phải kết hợp học trên lớp và qua mạng để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Day học theo B-learning đã được áp dụng rộng rãi trong các môi trường giáo dục, kinh doanh. Theo Lisa R. Halverson, Charler R. Graham (2019), tại Mỹ, học tập theo B-learning đang gia tăng theo cấp số nhân với mô hình K – 12 (hệ thống học tập trực tuyến của Mỹ và các nước Bắc Mỹ, châu Âu, châu Á... nơi HS học tập bậc phổ thông theo hệ 12 lớp). Số HS tham gia K – 12 B-learning tăng từ 45.000 lên hơn 4 triệu từ năm 2000 đến 2010 (Horn, Staker, Hernandez, HassE-learning, và AB-learningeidinger 2011).

Các trường ở 24 tiểu bang và đặc khu Columbia đã hoàn toàn là trường triển khai dạy học B-learning; đến năm 2016 số HS K-12 ghi danh họ tập B-learning có thể đạt 5 đến 6 triệu HS K-12 trên toàn nước Mỹ.

Theo Barbour, M. K., & Kennedy, K. (2014), trên toàn thế giới, học tập kết hợp B-learning đang mở rộng tương tự như ở Mỹ, nhất là ở Canada, Ấn Độ, New Zealand, Hàn Quốc và hầu hết các quốc gia châu Âu. Theo đó, ở các nước và khu vực này tồn tại cả học tập giáp mặt, học tập trực tuyến toàn phần E-learning và học tập kết hợp B-learning.

Tại Việt Nam, cùng với xu hướng hội nhập và nhu cầu phát triển đất nước, việc triển khai dạy học E-learning và B-learning đã và đang từng bước phát triển phù hợp với bối cảnh kinh tế, giáo dục của địa phương, bộ ngành. Chính sách của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) trong Luật CNTT 2006 đã nêu rõ: “Ưu tiên ứng dụng và phát triển CNTT trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.” “Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia.”, cho phép ứng dụng những thành tựu của CNTT vào trong GD&ĐT thuận lợi. Quyết định số 711/QĐ-Ttg ngày 13/6/2012 phê duyệt *Chiến lược Phát triển GD&ĐT giai đoạn 2011- 2020* đã yêu cầu ngành GD phải từng bước phát triển GD dựa trên CNTT “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT&TT trong dạy và học, đến năm 2015, 100% GV ĐH, cao đẳng và đến năm 2020, 100% giảng viên giảng dạy nghề nghiệp và phổ thông có khả năng ứng dụng CNTT &TT trong dạy học, biên soạn và sử dụng giáo trình, sách giáo khoa điện tử”.

Chỉ thị số 5444/BGDĐT-GDDH, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ GD và đào tạo (2017) về *áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực CNTT trình độ ĐH*, yêu cầu các trường ĐH “tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo, áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp (B-learning) và đào tạo thực hành tại doanh nghiệp. Triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến dùng chung, xây dựng nguồn tài nguyên dùng chung (đặc biệt kho học liệu điện tử dùng chung)”.

Cũng trong năm 2017, chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai. Theo đó các giải pháp cụ thể “*tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*” đã được triển khai, trong đó có dạy học trực tuyến. Như vậy, từ 2001 đến 2017 Chính phủ cũng như Bộ GD và ĐT đã ban hành nhiều quyết định, thông tư, chỉ thị về những nội dung liên quan đến ứng dụng CNTT trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong dạy-học.

2.2.2. So sánh hình thức tổ chức dạy học E-learning, B-learning, dạy học giáp mặt

Tác giả Nguyễn Kim Đào (2020) đã chỉ ra sự khác nhau giữa dạy học B-learning với dạy học truyền thống giáp mặt và dạy học E-learning như sau:

	Dạy học giáp mặt truyền thống	E-learning	B-learning
Sự thuận tiện	Giới hạn cố định trong không gian lớp học	Cơ động và linh hoạt	Cơ động, linh hoạt: học ở lớp, thực địa, phòng thí nghiệm,...
Địa điểm và thời gian	Dạy-học xảy ra đồng thời tại một địa điểm, thời gian cố định.	Mọi lúc, mọi nơi theo lịch trình của GV	Có nhiều lựa chọn về địa điểm và thời gian phù hợp với nội dung môn học. Việc học không bị ràng buộc, HS chủ động, ...
Chi phí	Chi phí cơ sở vật chất, tài liệu học tập nhiều hơn	Chi phí thấp hơn (bỏ ra một khoản kinh phí cho lần đầu sản bài giảng, tài sử dụng được nhiều lần).	Chi phí ban đầu cho việc xây dựng nội dung học tập khá lớn nhưng có thể sử dụng nhiều lần.
Tuổi	Thường tập trung một lứa tuổi nhất định.	Mọi lứa tuổi	Mọi lứa tuổi có thể tham gia và lựa chọn trình độ thích hợp để học tập
Tương tác	Giáp mặt	Trực tuyến, tương tác qua video bài giảng đã soạn sẵn hoặc trực tuyến, giám cơ hội học tập và giao tiếp với bạn học, GV.	Kết hợp giáp mặt với trực tuyến, vận dụng được nhiều phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của người học,...
Môi trường học tập	Người học bị hạn chế bởi nhiều rào cản: văn hóa, ngôn ngữ, thể chất,...	Xóa bỏ rào cản trong học tập, công cụ hỗ trợ học tập nhiều: mạng, thiết bị đầu cuối, phần mềm hỗ trợ, ...	Môi trường học tập hợp tác, cộng tác của người học-người học-người dạy (khắc phục hạn chế về trình độ công nghệ CNTT của người học), vượt qua rào cản về địa lí, văn hóa, ngôn ngữ,...
Kiểm tra, đánh giá	Hạn chế hình thức kiểm tra (chủ yếu kiểm tra miệng, giấy)	Kiểm tra trực tuyến, chấm trực tuyến	Chú trọng hình thành các năng lực, đánh giá dựa trên bằng chứng thực tế của hoạt động, sản phẩm hoạt động, ...
Tài nguyên học tập	Tài nguyên giấy, khó tiếp cận, không đa dạng,...	Đa dạng nguồn tài nguyên	Đa dạng nguồn tài nguyên
Sự sáng tạo và tự do diễn đạt	Hạn chế HS tự do phát biểu ý kiến, trao đổi, phát triển sức sáng tạo.	Hạn chế khả năng diễn đạt của HS còn nhiều hạn chế do tương tác qua thiết bị dạy học.	Mang lại cơ hội tốt, nhiều hoạt động và kế hoạch cho HS giao lưu, học hỏi, phát biểu ý kiến, phát triển sức sáng tạo, mở rộng quan hệ...

2.2.3. Phân loại các hình thức dạy học B-learning

Theo Nguyễn Hoàng Trang (2018), căn cứ vào thời gian và mức độ hỗ trợ của hệ thống e-Learning, việc tổ chức dạy học theo B-learning có thể lựa chọn theo một số hình thức sau:

2.2.3.1. Hình thức 1

Hình thức tổ chức dạy học này được tổ chức cho người học học tập với nhiều phương thức khác nhau với sự hướng dẫn của người dạy theo một thời gian biểu cụ thể và đưa hình thức dạy

học trực tuyến vào ít nhất một nội dung nào đó. Hình thức này diễn ra quá trình dạy học chủ yếu là dạy học giáp mặt tại lớp học truyền thống. Với hình thức này phù hợp với những nội dung kiến thức định tính mới như các khái niệm, định luật để người học có thể tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn. Hình thức này sẽ tiết kiệm thời gian cho hoạt động tìm hiểu bài mới của người học, giúp họ tiếp thu bài học tích cực hơn. Từ đó GV phân bổ thời gian cho từng hoạt động phù hợp, chặt chẽ hơn giúp để việc dạy học đạt được hiệu quả cao nhất.

2.2.3.2. Hình thức 2

Hình thức tổ chức dạy học này cho phép người học chọn cho mình một thời khóa biểu linh động phù hợp với điều kiện cá nhân và phù hợp các phương thức học tập. Với hình thức này GV phải thực hiện việc soạn giáo án, kế hoạch, bài tập và nhiệm vụ đưa lên trang B-learning. Hình thức tổ chức này thực hiện cho người học học các nội dung ngay tại lớp học giáp mặt ở nhiều mức độ khác nhau tùy thuộc điều kiện cụ thể. Hình thức này sẽ giúp cho người học phát huy được năng lực tự học của mình thông qua việc tự thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời qua đó GV có thể theo dõi được việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ và điều chỉnh kiến thức cho người học.

2.2.3.3. Hình thức 3

Là hình thức mà học tập trực tuyến hỗ trợ cho việc học tập trên lớp. Nội dung học tập được GV biên soạn và đưa lên web. Điểm đặc trưng của hình thức này là thời lượng học tập trực tuyến được mở rộng, người học có thể vừa học ở trường vừa học ở nhà. Hình thức này khác với hình thức học trực tuyến đơn thuần ở chỗ: học trực tuyến đơn thuần không có được các kinh nghiệm học tập trên lớp.

Với hình thức này đòi hỏi trong kế hoạch giảng dạy của GV phải có nội dung triển khai và giao nhiệm vụ cụ thể ở tiết học trước tại lớp. GV thực hiện việc đóng gói toàn bộ bài dạy và nhiệm vụ đưa lên hệ thống học tập trực tuyến, đồng thời hướng dẫn người học tự học. Người học truy cập đăng nhập vào trang hệ thống học tập trực tuyến để thực hiện nhiệm vụ được giao và trao đổi kiến thức với bạn học hoặc GV khi có nhu cầu. Ở mức độ của hình thức này, người học sẽ có thời khóa biểu linh động và thời lượng học trực tuyến được mở rộng hơn, có thể học tại nhà mà không cần đến lớp.

2.2.3.4. Hình thức 4

Là hình thức mà người học được học giáp mặt một phần nhỏ nội dung cần học, họ được tự do hoàn thành tất cả các nội dung còn lại mà không cần đến lớp. Với hình thức này, học tập trực tuyến đóng vai trò xương sống hỗ trợ việc tự học của người học, GV là người vừa định hướng cả việc học trực tuyến lẫn việc học giáp mặt. Đây là mức độ cao nhất trong dạy học B-learning. GV sẽ xây dựng kế hoạch dạy học, thực hiện đóng gói toàn bộ bài giảng, người học truy cập vào trang hệ thống học tập trực tuyến để tự nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân hoặc theo nhóm. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, người học có thể trực tiếp trao đổi những thông tin cần thiết với GV hướng dẫn hoặc với bạn cùng học. Với hình thức này, dạy học giáp mặt chỉ là một phần rất nhỏ như: triển khai kế hoạch, nhiệm vụ cho người học, hoạt động đánh giá kết quả. Dạy học trực tuyến là chủ yếu, người học học trực tuyến với sự quản lý và hướng dẫn của GV qua trang hệ thống học tập trực tuyến. Người học hoàn toàn tự nghiên cứu, tự học để hoàn thành nhiệm vụ được

giao theo cá nhân hoặc theo nhóm. Trong quá trình học, người học chủ động thời khóa biểu của cá nhân và thực hiện tại nhà, không phải đến lớp học.

2.2.4. Mô hình dạy học B-learning ở bậc đại học

Hiện nay, mô hình dạy học kết hợp được phổ biến rộng rãi nhất là mô hình cộng đồng học tập khám phá mà tại đó có sự cộng hưởng trải nghiệm học tập trực tiếp trên lớp với trải nghiệm học tập trực tuyến dưới nghiên cứu của hai tác giả Garrison và Vaughan tại Canad (2008):

2.2.4.1. Mô hình Face-to-Face Drive

Sử dụng mô hình giảng dạy truyền thống là chính trong việc giảng dạy, tuy nhiên có ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp tài liệu học tập và thực hiện các bài đánh giá. Theo đó, người học sẽ giành thời gian để tham gia học tập, trao đổi, thảo luận trực tiếp tại lớp còn việc đọc tài liệu hay thực hiện các bài tập sẽ thông qua Internet. Mô hình này giúp người dạy có nhiều thời gian hơn để hỗ trợ người học, phù hợp với lớp học có sự phân khúc hay chênh lệch về kiến thức giữa các thành viên trong lớp học.

2.2.4.2. Mô hình Rotation (mô hình luân phiên)

Người học sẽ học luân phiên giữa 2 mô hình học tập truyền thống và học tập trực tuyến theo một lịch trình đã được công bố. Mô hình này tạo được tính linh hoạt trong việc dạy và học, người dạy có thể hỗ trợ người học các nội dung của buổi học trực tuyến vào các buổi học truyền thống dựa theo nhu cầu của người học.

2.2.4.3. Mô hình Flex

Người dạy đưa ra định hướng, hướng dẫn người học chủ động học tập theo mô hình học tập trực tuyến, giờ học trực tiếp sẽ giành để trao đổi, thảo luận và giải đáp thắc mắc. Mô hình này giúp người học phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu, người học có thể chủ động sắp xếp thời gian học, không gian học cũng như thời lượng học cho phù hợp với bản thân.

2.2.4.4. Mô hình Online Lab

Trong suốt thời gian của khóa học, người học tham gia học trực tuyến tại các phòng máy chuyên dùng, đồng thời chịu sự quản lý và giám sát của các giám sát viên khóa học. Mô hình này giúp giảm bớt áp lực về phòng học trực tiếp, giảm số lượng người tham gia giảng dạy, tuy nhiên sẽ làm tăng số lượng của giám sát viên.

2.2.4.5. Mô hình Self-Blended

Cho phép người học có thể đăng ký học trực tuyến các môn học ngoài chương trình học. Mô hình này phù hợp với bậc đào tạo đại học, khuyến khích người học nâng cao kiến thức, mở rộng chuyên môn, học thêm các môn học theo sở thích cá nhân.

2.2.4.6. Mô hình Online Driver

Đặc điểm nổi bật nhất của mô hình Online Driver đó là sự "Cá nhân hoá" trong trải nghiệm học tập. Sử dụng hoàn toàn mô hình học tập trực tuyến trong dạy và học. Người học dựa trên các hướng dẫn, bài giảng, bài tập, ... do người dạy cung cấp thông qua Internet để tiến hành học. Các vấn đề thắc mắc cần hỗ trợ, trao đổi đều được tiến hành trực tuyến. Mô hình này phù hợp với người học cần sự linh động về thời gian học, lịch học, có thể áp dụng cho bậc đại học, sau đại học, hệ đại học vừa học vừa làm, ...

2.3. Nguyên tắc, các bước thiết kế khóa học B-learning

Tác giả Trần Thị Huệ, Nguyễn Thị Kim Oanh (2020), khi nghiên cứu các nguyên tắc cơ bản để thiết kế khóa học ở đại học theo hình thức B-learning hiệu quả đã kết luận rằng:

Khi áp dụng một mô hình mới như B-learning vào giáo dục đại học Việt Nam sẽ nảy sinh những khó khăn và thách thức, mà một trong số đó là vấn đề thiết kế khóa học sao cho phù hợp. Từ nền tảng lí thuyết và thực tiễn trên thế giới, kết hợp với thực tế và kinh nghiệm tại Việt Nam, 6 nguyên tắc được đề xuất sẽ gợi mở cho GV cũng như các cơ sở đào tạo những cách tiếp cận và hướng thiết kế các khóa học theo mô hình dạy học kết hợp B-learning.

2.3.1. Nguyên tắc thiết kế khóa học B-learning

Để thiết kế khóa học, GV cần dựa vào 5 nguyên tắc sau:

- 1-Tập trung vào việc đạt được mục tiêu khóa học hơn là công nghệ
 - 2-Hỗ trợ cá nhân hóa việc học tập
 - 3- Các hoạt động trên lớp và trực tuyến bổ trợ cho nhau và tăng tương tác trên lớp học.
 - 4-Thiết kế tài liệu học tập phù hợp với hình thức trực tuyến
 - 5- Cung cấp công cụ và cách thức tự đánh giá cho người học
- (Chú trọng hỗ trợ giảng viên và người học, đặc biệt là về kĩ thuật, công nghệ)

2.3.2. Các bước thiết kế khóa học B-learning

Xuất phát từ các nguyên tắc trên, tác giả đã đề xuất các bước thiết kế khóa học B-learning như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu khóa học

Bước 2: Xác định hình thức và nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp và khả thi.

Bước 3: Xác định nội dung và hoạt động học để đạt được mục tiêu đề ra.

Bước 4: Xác định phương pháp và hình thức dạy học (trực tiếp hay trực tuyến) phù hợp với từng nội dung và hoạt động học.

Bước 5: Xác định công cụ công nghệ (hệ thống quản lí học tập LMS-Learning Management System-Hệ thống quản lí học trực tuyến, ứng dụng, phần mềm, hệ thống hỗ trợ ghi âm ghi hình, ...) có thể khai thác trong bối cảnh của từng cơ sở giáo dục cụ thể (các phương tiện dạy học trực tuyến).

Bước 6: Thiết kế và sản xuất các học liệu cần thiết cho khóa học.

Trong công bố “Dạy học kết hợp - một hình thức phù hợp với dạy học đại học ở Việt Nam thời đại kĩ nguyên số” (Vũ Thái Giang, Nguyễn Hoài Nam, 2019), các tác giả đã chỉ ra sự phù hợp của hình thức đào tạo B-learning đối với việc giảng dạy ở bậc đại học nói chung, tại Việt Nam nói riêng. Để việc giảng dạy được hiệu quả, khuyến khích sự tự giác, tự chủ, tự nghiên cứu của SV, đồng thời vẫn phát triển được các kĩ năng khác của thế kỷ 21 như sáng tạo và giao tiếp, thì việc thiết kế mô hình B-learning cần chú ý phù hợp với đối tượng và bối cảnh cụ thể. Bối cảnh dạy học đại học Việt Nam nói chung, các cơ sở giáo dục đại học nói riêng.

2.4. Một số trở ngại khi áp dụng mô hình Blended learning trong giảng dạy bậc đại học tại Việt Nam

Xuất phát từ các nguyên tắc và quy trình thiết kế khóa học B-learning trình bày trên, bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, có thể chỉ ra một số trở ngại chủ yếu khi áp dụng mô hình B-learning trong giảng dạy bậc đại học như sau:

2.4.1. Đối với người học

Đa số người học đã quen với cách học truyền thống ở bậc phổ thông theo tiết, giờ lên lớp (100% F2F), tâm lý và thói quen học phải có thầy/cô kề bên, hướng dẫn, học tập theo cách thụ động, do đó trong trường hợp áp dụng mô hình B-Learning trong giảng dạy mà người học không có khả năng tự học, tự nghiên cứu sẽ dẫn đến tâm lý sợ, chán nản, kết quả học tập giảm sút do không tìm ra được phương pháp học tập phù hợp.

2.4.2. Đối với người dạy

Mô hình B-learning đòi hỏi người dạy phải thiết kế được học liệu điện tử (Slide bài giảng, Video bài giảng, Tài liệu tham khảo, ...) phục vụ cho các buổi học trực tuyến. Tuy nhiên, đối với người dạy không có chuyên môn về công nghệ thông tin việc sử dụng các công cụ phần mềm để thiết kế, lên kịch bản, quay video, cắt ghép chỉnh sửa video, ... là điều rất khó, cần phải có thời gian để học tập và nghiên cứu.

Mô hình B-learning là sự chuyển tiếp dần từ mô hình học tập truyền thống sang mô hình học tập trực tuyến, nó đòi hỏi người dạy phải có sự thay đổi về phương pháp giảng dạy để thu hút người học. Người dạy cần có công cụ để quản lý, giám sát nhằm kiểm tra việc học trực tuyến của người học, ... điều này dẫn đến khối lượng công việc của người dạy tăng lên do cần có nhiều thời gian để đầu tư nghiên cứu.

2.4.3. Đối với các cơ sở giáo dục

Yêu cầu bắt buộc đối với cơ sở giáo dục khi áp dụng dạy trực tuyến phải có “Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng, không để xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải”, phải có Hệ thống quản lý học tập, Hệ thống quản lý nội dung học tập để có thể truyền tải nội dung học tập đến người học, theo dõi được tiến trình học tập của người học, ... (Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT). Tuy nhiên, nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng được cơ sở vật chất theo quy định để phục vụ dạy học trực tuyến.

Hầu hết các cơ sở giáo dục hiện nay vẫn chưa đưa ra được chính sách hỗ trợ người dạy để khuyến khích người dạy trong việc đầu tư, nghiên cứu tìm ra các phương pháp giảng dạy hay học thêm các khóa học để phục vụ cho việc thiết kế học liệu trong giảng dạy theo mô hình B-learning.

3. Kết luận

Mô hình học tập B-learning là một bước chuyển tiếp từ mô hình học tập truyền thống sang mô hình học tập trực tuyến. Xu hướng dạy và học theo mô hình trực tuyến là một xu thế tất yếu trong tương lai, do đó việc chuyển đổi số/số hóa trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt số hóa trong quản lý và tổ chức đào tạo là cơ sở quan trọng để thực hiện mô hình B-learning bên cạnh việc đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân sự giảng dạy, Như vậy, có thể nói để áp dụng thành công mô hình B-learning trong dạy học đòi hỏi phải có chính sách đồng bộ của Nhà nước về vấn đề này, cần số hóa trong quản lý và tổ chức đào tạo từ bậc phổ thông bởi lẽ ngoài sự đầu tư, thay đổi từ nhà trường, người dạy thì yếu tố chính vẫn là do bản thân của người học, người học trong các cấp học, bậc học cần phải thích nghi với việc học trong môi trường số hóa trong quá trình học tập của mình.

Tuy nhiên, để có thêm những cơ sở lý luận và thực tiễn giúp cho việc triển khai rộng rãi hình thức dạy học B-learning nói chung và dạy học B-learning trong giảng dạy bậc đại học nói riêng trong thời gian tới thì cần tiếp tục có thêm những nghiên cứu sâu, rộng liên quan đến hình thức dạy học này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barbour, M. K., & Kennedy, K. (2014), Grounded designs for online and hybrid learning: Trends and technologies, K-12 online learning: A worldwide perspective. In A. Hirumi (Ed.), pp. 53-74.
2. Cojocariu, V.-M., Lazar, I., Nedeff, V., & Lazar, G. (2014). SWOT analysis of e-learning educational services from the perspective of their beneficiaries. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 116, 1999-2003.
3. Curtis J. Bonk, Charles R. Graham (2005), *The Handbook of B-learning learning: Global perspectives, local designs*, San Francisco, CA: Pfeiffer. ISBN 0787977586.
4. Garrison, D.R. and N.D. Vaughan (2008). *Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines*.
5. Horn, Staker, Hernandez, Hass, E-learning, and AB-learning (2011)
6. Lisa R. Halverson, Charler R. Graham (2019), K-12 blended teaching readiness: Model and instrument development, *Blended- learning research in higher education and K-12 settings*.
7. Michael B. Horn, Heather Staker (2014). *Blended: Using disruptive innivation to improve schools*. Jossey – Bass.
8. Michael B. Horn (2015), *Using B-learning to improve schools*, Clayton Chrisenten Insitute.
9. Schoolwires (2012), *Blending the Best of Online and Face-to-Face Learning to Improve Student Outcomes*.
10. Singh, V., & Thurman, A. (2019). How many ways can we define online learning? A systematic literature review of definitions of online learning (1988-2018). *American Journal of Distance Education*, 33(4), 289-306.
11. Trần Thanh Bình, (2013), *Nghiên cứu xây dựng và sử dụng hệ thống E-Learning vào dạy học phần “Dao động cơ và sóng cơ” Vật lí 12 trung học phổ thông*, luận án Tiến sĩ.
12. Nguyễn Kim Đào, (2020), *Nghiên cứu sử dụng B-learning trong dạy học phần “Điện học” Vật lí 9 THCS*, Luận án tiến sĩ.
13. Vũ Thái Giang, Nguyễn Hoài Nam, (2019), *Dạy học kết hợp - một hình thức phù hợp với dạy học đại học ở việt nam thời đại kĩ nguyên số*, Hnue Journal Of Science Doi: 10.18173/2354-1075.2019-0017 Educational Sciences, Volume 64, Issue 1, pp. 165-177.
14. Trần Thị Huệ, Nguyễn Thị Kim Oanh (2020), *Các nguyên tắc cơ bản để thiết kế khóa học ở đại học theo mô hình Blended - learning hiệu quả*, Tạp chí Giáo dục, số 477 (Kì 1 - 5/2020), tr 18-22.
15. Nguyễn Hoàng Trang (2018). Một số vấn đề trong tổ chức dạy học Blended learning và kinh nghiệm quốc tế. *Kỹ yếu hội thảo quốc tế: Giáo dục cho mọi người - Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Giáo dục Quốc gia Hàn Quốc*, tr.105.
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT Quy định Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*.
17. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2017), *Về áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực CNTT trình độ đại học, yêu cầu các trường đại học*, Chỉ thị số 5444/BGDĐT-GDDH, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Bộ GD và đào tạo.
18. <http://mba.babson.edu/>
19. <http://mba.gmu.edu>
20. <http://www.stmarys-ca.edu>
21. <https://www.knewton.com/infographics/B-learning>